

## TRẮC NGHIỆM TRIẾT HỌC CHƯƠNG 2

### I) Phép biện chứng duy vật và hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

**Câu 1:** Nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật là nguyên lý nào?

- a) Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của vật chất
- b) Nguyên lý về sự vận động và đứng yên của các sự vật
- c) Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển
- d) Nguyên lý về tính liên tục và tính gián đoạn của thế giới vật chất

**Câu 2:** Đâu là quan điểm siêu hình về mối liên hệ?

- a) Các sự vật trong thế giới tồn tại biệt lập với nhau, không liên hệ, phụ thuộc nhau
- b) Các sự vật trong thế giới có thể có liên hệ với nhau, nhưng mà chỉ mang tính chất ngẫu nhiên, bề ngoài
- c) Các sự vật tồn tại trong sự liên hệ với nhau
- d) Cả a và b đều đúng

**Câu 3:** Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng trả lời câu hỏi sau đây như thế nào: Các sự vật trong thế giới có liên hệ với nhau không?

- a) Các sự vật hoàn toàn biệt lập nhau
- b) Các sự vật liên hệ nhau chỉ mang tính chất ngẫu nhiên
- c) Các sự vật vừa khác nhau, vừa liên hệ, ràng buộc nhau một cách khách quan và tất yếu
- d) Các sự vật liên hệ với nhau nhưng phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể

**Câu 4:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan, mối liên hệ giữa các sự vật do cái gì quyết định?

- a) Do lực lượng siêu nhiên (thượng đế) quyết định
- b) Do cảm giác, thói quen con người quyết định
- c) Do bản tính của thế giới vật chất
- d) Cả a,b,c đều đúng

**Câu 5:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan, mối liên hệ giữa các sự vật do cái gì quyết định?

- a) Do lực lượng siêu nhiên (thượng đế, ý niệm tuyệt đối) quyết định
- b) Do cảm giác, thói quen con người quyết định
- c) Do bản tính của thế giới vật chất
- d) Cả a,b,c đều đúng

**Câu 6:** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa khái niệm về "liên hệ": Liên hệ là phạm trù triết học chỉ ..... giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một hiện tượng trong thế giới.

- a) Sự di chuyển
- b) Những thuộc tính, những đặc điểm
- c) Sự quy định, sự tác động qua lại, sự chuyển hóa lẫn nhau

d) Mối liên hệ phổ biến

**Câu 7: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng là từ đâu?**

a) Do lực lượng siêu nhiên (thượng đế, ý niệm) sinh ra

**b) Do tính thống nhất về vật chất của thế giới**

c) Do cảm giác thói quen của con người gây ra

d) Do tư duy con người tạo ra rồi đưa vào tự nhiên và xã hội

**Câu 8: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối liên hệ giữa các sự vật có tính chất gì?**

a) Tính ngẫu nhiên, chủ quan

**b) Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng**

c) Tính khách quan, nhưng không có tính phổ biến và đa dạng

d) Chỉ có tính phổ biến do thế giới thống nhất ở tính vật chất

**Câu 9: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, một sự vật trong quá trình tồn tại và phát triển có bao nhiêu mối liên hệ?**

a) Có một mối liên hệ

b) Không tồn tại mối liên hệ nào

c) Có một số hữu hạn mối liên hệ

**d) Có vô vàn mối liên hệ**

**Câu 10: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật?**

a) Có vai trò ngang bằng nhau

b) Có vai trò khác nhau, nên chỉ cần biết một số mối liên hệ

**c) Có vai trò khác nhau, nên cần phải xem xét hết các mối liên hệ**

d) Mối liên hệ tồn tại độc lập với sự phát triển của sự vật, không ảnh hưởng đến sự vật

**Câu 11: Quan điểm nào cho rằng thế giới sinh vật, thế giới vô cơ và xã hội loài người là ba lĩnh vực hoàn toàn khác biệt với nhau, không liên hệ gì với nhau?**

**a) Quan điểm siêu hình**

**b) Quan điểm duy vật biện chứng**

c) Quan điểm duy vật siêu hình

d) Quan điểm duy tâm biện chứng

**Câu 12: Quan điểm nào cho rằng mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới là biểu hiện của mối liên hệ giữa các ý niệm?**

a) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**b) Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

c) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

d) **Chủ nghĩa duy tâm khách quan**

**Câu 13: Đòi hỏi của quan điểm toàn diện là như thế nào?**

- a) Chỉ xem xét một mối liên hệ
- b) Phải xem xét hết tất cả các mối liên hệ của sự vật
- c) **Phải xem xét tất cả các mối liên hệ, đồng thời phải phân loại được vị trí, vai trò của các mối liên hệ**
- d) Phân tích một số mối liên hệ tiêu biểu của sự vật để rút ra kết luận

**Câu 14: Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là gì?**

- a) **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**
- b) Nguyên lý về sự phát triển
- c) Nguyên lý về sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất
- d) Nguyên lý chuyển hóa lẫn nhau trong thế giới vật chất

**Câu 15: Phép biện chứng trải qua bao nhiêu hình thức cơ bản?**

- a) 2
- b) **3**
- c) 4
- d) 5

**Câu 16: "... là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy" đây là định nghĩa của:**

- a) **Phép biện chứng duy vật**
- b) Phép biện chứng duy tâm
- c) Phép biện chứng siêu hình
- d) Nguyên lý và quy luật

**Câu 17: "Hễ mưa hoa quả được mùa/ Chắc là nước bể nước mưa đầy trời/ Ai ơi nên nhớ lấy lời/ Trông cơ trời đất, liệu thời làm ăn" thể hiện điều gì?**

- a) **Biện chứng trong tư duy người Việt**
- b) Siêu hình trong tư duy người Việt
- c) Vừa biện chứng, vừa siêu hình
- d) Mối liên hệ phổ biến trong tư duy người Việt

**Câu 18: "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng" thể hiện điều gì?**

- a) **Siêu hình trong tư duy người Việt**
- b) Biện chứng trong tư duy người Việt
- c) Vừa biện chứng, vừa siêu hình

d) Tất cả đều sai

**Câu 19: “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” thể hiện điều gì?**

a) Siêu hình trong tư duy người Việt

**b) Biện chứng trong tư duy người Việt**

c) Vừa biện chứng, vừa siêu hình

d) Nguyên lí về sự phát triển trong tư duy người Việt

**Câu 20: “Nhìn mặt mà bắt hình dong” thể hiện điều gì?**

**a) Siêu hình trong tư duy người Việt**

b) Biện chứng trong tư duy người Việt

c) Vừa biện chứng, vừa siêu hình

d) Mối liên hệ phổ biến trong tư duy người Việt

**Câu 21: “Người ta đi cấy lấy công/ Tối nay đi cấy còn trông nhiều bề/.../ Trông cho chân cứng đá mềm/ Trời yên bể lặng mới yên tâm lòng” là bài ca dao thể hiện điều gì?**

**a) Biện chứng trong tư duy người Việt**

b) Siêu hình trong tư duy người Việt

c) Vừa biện chứng, vừa siêu hình

d) Tất cả đều sai

**Câu 22: Nội dung của phép biện chứng duy vật bao gồm mấy nguyên lí cơ bản?**

a) 1

**b) 2(phổ biến, phát triển)**

c) 3

d) 4

**Câu 23: Nội dung của phép biện chứng duy vật bao gồm mấy quy luật cơ bản?**

a) 4

b) 2

c) 1

**d) 3(Lượng chất, mâu thuẫn, phủ định của phủ định)**

**Câu 24: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phát triển giữa các sự vật có tính chất gì?**

- a) Tính vận động hình thức
- b) Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng
- c) Tính khách quan, nhưng không có tính phổ biến và đa dạng
- d) Chỉ có tính tất yếu khách quan do thể giới thống nhất ở tính vật chất

**Câu 25:** Trong những luận điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a) Xem xét sự phát triển chỉ là sự tăng hay giảm đơn thuần về lượng
- b) Xem sự phát triển bao hàm cả sự thay đổi dần về lượng và sự biến đổi về chất
- c) Xem sự phát triển bao hàm cả sự thụt lùi tạm thời
- d) Xem sự phát triển do ý niệm tạo thành

**Câu 26:** Trong những luận điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a) Xem xét sự phát triển như một quá trình tiến lên liên tục, không có bước quanh co, thụt lùi, đứt đoạn
- b) Xem xét sự phát triển là một quá trình tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, bao gồm cả bước thụt lùi, đứt đoạn
- c) Xem xét sự phát triển là một quá trình tiến lên liên tục, bao hàm cả sự lặp lại cái cũ trên cơ sở mới
- d) Cả a, b, c đều đúng

**Câu 27:** Trong những luận điểm sau đây, đâu là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

- a) Chất của sự vật không thay đổi gì trong quá trình tồn tại và phát triển của chúng
- b) Phát triển là sự chuyển hóa từ những thay đổi về lượng đến sự thay đổi về chất
- c) Phát triển bao hàm sự nảy sinh chất mới và phá bỏ chất cũ
- d) Phát triển là sự phủ định của phủ định

**Câu 28:** Luận điểm sau đây về sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển diễn ra theo con đường tròn khép kín, là sự lặp lại đơn thuần cái cũ”?

- a) Quan điểm biện chứng duy tâm
- b) Quan điểm biện chứng duy vật
- c) Quan điểm siêu hình
- d) Quan điểm duy tâm chủ quan

**Câu 29:** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển chỉ là sự thay đổi về lượng, không có sự thay đổi về chất”?

- a) Triết học duy vật biện chứng
- b) Triết học duy vật siêu hình

- c) Triết học biện chứng duy tâm
- d) Triết học duy tâm khách quan

**Câu 30:** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển là quá trình chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất và ngược lại”?

- a) Quan điểm siêu hình
- b) Quan điểm biện chứng
- c) Quan điểm duy tâm
- d) Quan điểm chiết trung và nguy biến

**Câu 31:** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển là quá trình vận động tiến lên theo con đường xoáy ốc”?

- a) Quan điểm chiết trung và nguy biến
- b) Quan điểm biện chứng
- c) Quan điểm siêu hình
- d) Quan điểm duy tâm chủ quan

**Câu 32:** Luận điểm sau đây về nguồn gốc sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển là do sự sắp đặt của Thượng đế”?

- a) Chủ nghĩa duy tâm
- b) Chủ nghĩa duy vật chất phác
- c) Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 33:** Luận điểm sau đây về nguồn gốc sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển trong hiện thực là tồn tại khác, là biểu hiện của sự phát triển của ý niệm tuyệt đối”?

- a) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b) Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 34:** Luận điểm sau đây về nguồn gốc sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: “Phát triển của sự vật là do cảm giác, ý thức, con người quyết định”?

- a) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 35:** Luận điểm sau đây về nguồn gốc sự phát triển thuộc lập trường triết học nào: “Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong chính sự vật, quy định sự phát triển của sự vật”?

- a) Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**d) Chủ nghĩa duy vật biện chứng**

**Câu 36:** Trong các luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a) Phát triển của các sự vật là biểu hiện của sự vận động của ý niệm tuyệt đối
- b) Phát triển của các sự vật do cảm giác, ý thức của con người quyết định

**c) Phát triển của các sự vật do sự tác động lẫn nhau của các mặt đối lập của bản thân sự vật quyết định.**

- d) Phát triển là sự vận động của ý niệm

**Câu 37:** Trong những luận điểm sau, đâu là định nghĩa về sự phát triển theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- a) Phát triển là phạm trù chỉ sự vận động của các sự vật
- b) Phát triển là phạm trù chỉ sự liên hệ giữa các sự vật

**c) Phát triển là phạm trù chỉ quá trình vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của các sự vật**

- d) Phát triển chỉ quá trình vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp và cái mới loại bỏ hoàn toàn cái cũ

**Câu 38:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

- a) Phát triển là xu hướng chung của sự vận động của thế giới vật chất

**b) Phát triển là xu hướng chung nhưng không phải bản chất của sự vận động của sự vật**

- c) Phát triển là xu hướng cá biệt của sự vận động của sự vật
- d) Phát triển là sự vận động của ý niệm

**Câu 39:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những tính chất của sự phát triển là gì?

- a) Tính chất đa dạng, phong phú
- b) Tính phổ biến, phong phú, gắn liền với cấu tạo vật chất

c) Tính phong phú, đa dạng, phổ biến

d) Tính khách quan, phổ biến và tính đa dạng

**Câu 40: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Sự phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy là hoàn toàn đồng nhất với nhau”?**

a) Quan điểm siêu hình

b) Quan điểm biện chứng duy vật

c) Quan điểm biện chứng duy tâm

d) Quan điểm duy vật chất phác

**Câu 41: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Quá trình phát triển của mỗi sự vật là hoàn toàn khác nhau, không có điểm chung nào”?**

a) Quan điểm siêu hình

b) Quan điểm biện chứng duy vật

c) Quan điểm biện chứng duy tâm

d) Quan điểm duy vật chất phác

**Câu 42: Luận điểm sau đây thuộc quan điểm triết học nào: “Quá trình phát triển của các sự vật vừa khác nhau, vừa có sự thống nhất với nhau”?**

a) Quan điểm siêu hình

b) Quan điểm duy tâm

c) Quan điểm biện chứng

d) Quan điểm chiết trung và nguy biện

**Câu 43: Trong nhận thức cần quán triệt quan điểm “phát triển”. Điều đó dựa trên cơ sở lý luận của nguyên lý nào?**

a) Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

b) Nguyên lý về sự phát triển

c) Nguyên lý về tính thống nhất vật chất của thế giới

d) Nguyên lý về vận động và đứng im

**Câu 44: Tính khách quan của mối liên hệ là gì?**

a) Là mối liên hệ vốn có của thế giới các ý niệm

b) Là mối liên hệ vốn có giữa các sự vật và hiện tượng. Đây chính là cơ sở của tính thống nhất vật chất của thế giới



c) Là mối liên hệ khách quan tồn tại bên ngoài ý thức con người

**d) Cả b và c đều đúng**

**Câu 45: Theo phép biện chứng duy vật, mối liên hệ có ở đâu?**

a) Trong tự nhiên

b) Trong xã hội

c) Trong tư duy

**d) Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 46: Đây là quan niệm của phép biện chứng duy vật về cơ sở các mối liên hệ?**

a) Cơ sở sự liên hệ tác động qua lại giữa các sự vật và hiện tượng ở ý thức, cảm giác con người

b) Cơ sở sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật là ở ý niệm về sự thống nhất thế giới

c) Cơ sở sự liên hệ giữa các sự vật là do các lực bên ngoài có tính chất ngẫu nhiên đối với các sự vật

**d) Sự liên hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng có cơ sở ở tính thống nhất vật chất của thế giới**

**Câu 47: Từ nguyên lý về “mối liên hệ phổ biến” của phép biện chứng duy vật, chúng ta rút ra những nguyên tắc phương pháp luận nào cho hoạt động lý luận và thực tiễn?**

a) Quan điểm phát triển

b) Quan điểm toàn diện

c) Quan điểm lịch sử - cụ thể

**d) Quan điểm toàn diện, lịch sử - cụ thể**

**Câu 48: Mối liên hệ chủ yếu giữa nước ta với các với các quốc gia khác trong WTO là?**

**a) Kinh tế**

b) Chính trị-xã hội

c) Văn hóa

d) Bảo vệ môi trường

**Câu 49: Khi vận dụng quan điểm toàn diện của triết học Mác-Lenin, cần phải khác phục quan điểm nào?**

a) Phiến diện

**b) Chủ quan, duy ý chí**

- c) Bảo thủ, trì trệ
- d) Thực tiễn

**Câu 50:** V.I.Lênin nói hai quan niệm cơ bản về sự phát triển: (1). "Sự phát triển coi như là giảm đi và tăng lên, như là lặp lại." (2). "Sự phát triển coi như là sự thống nhất của các mặt đối lập." Câu nói này của V.I.Lênin trong tác phẩm nào?

- a) Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản (HCM)
- b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán (Lenin)

**c) Bút kí triết học(Lenin)**

- d) Luận cương tháng tư (HCM)

**Câu 51:** Quan điểm phát triển giúp chúng ta khắc phục được tư tưởng nào?

- a) Nôn nóng, tả khuynh
- b) Giáo điều, nguy biện
- c) Phiến diện, siêu hình

**d) Bảo thủ, trì trệ, định kiến**

**Câu 52:** Khi vận dụng quan điểm sự phát triển của triết học Mác-Lenin, cần phải khắc phục quan điểm nào?

- a) Phiến diện
- b) Chiết trung

**c) Bảo thủ, trì trệ**

- d) Nguy biện

**Câu 53:** Quy luật nào của phép biện chứng vạch ra khuynh hướng của sự phát triển?

- a) Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại
- b) Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

**c) Quy luật phủ định của phủ định**

- d) Không có quy luật nào

**Câu 54:** Quy luật nào của phép biện chứng vạch ra cách thức của sự phát triển?

**a) Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại**

- b) Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
- c) Quy luật phủ định của phủ định
- d) Không có quy luật nào

**Câu 55:** Quy luật nào của phép biện chứng vạch ra nguồn gốc, động lực của sự phát triển?

a) Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại

**b) Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập**

c) Quy luật phủ định của phủ định

d) Không có quy luật nào

**Câu 56:** Biện chứng khách quan là gì?

a) Những quan điểm biện chứng tiên nghiệm, có trước kinh nghiệm

**b) Những quan điểm biện chứng được rút ra từ ý niệm tuyệt đối, độc lập với ý thức con người.**

c) Biện chứng của các tồn tại vật chất

d) Biện chứng không thể nhận thức được nó

**Câu 57:** Biện chứng chủ quan là gì?

a) Biện chứng của thực tiễn xã hội

b) Biện chứng của thế giới vật chất

**c) Biện chứng của ý thức - tư duy biện chứng**

d) Biện chứng của lý luận

**Câu 58:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối quan hệ giữa biện chứng chủ quan và biện chứng khách quan như thế nào?

a) Biện chứng chủ quan quyết định biện chứng khách quan

**b) Biện chứng chủ quan phản ánh biện chứng khách quan**

c) Biện chứng chủ quan hoàn toàn độc lập với biện chứng khách quan

d) Biện chứng khách quan là sự thể hiện của biện chứng chủ quan

**Câu 59:** Nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật là gì?

a) Hai nguyên lý cơ bản

b) Các quy luật cơ bản thể hiện sự vận động và phát triển của các sự vật, hiện tượng, quá trình

c) Các cấp phạm trù cơ bản thể hiện mối liên hệ phổ biến, tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng, quá trình của thế giới.

**d) Cả 3 phán đoán đều đúng**

**Câu 60: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin, sự khác nhau căn bản giữa sự vận động và sự phát triển là gì?**

- a) Sự phát triển và sự vận động là hai quá trình độc lập, tách rời nhau
- b) Sự phát triển là nội dung, sự vận động là hình thức

**c) Sự phát triển là trường hợp đặc biệt của sự vận động, sự phát triển là sự vận động theo chiều hướng tiến lên**

- d) Sự phát triển là khuynh hướng chung của quá trình vận động của sự vật, nên nó bao hàm mọi sự vận động

**Câu 61: Phát triển chính là quá trình được thực hiện bởi:**

- a) Sự tích lũy dần về lượng trong sự vật cũ
- b) Sự vận động của mâu thuẫn vốn có của sự vật
- c) Sự phủ định biện chứng của sự vật cũ

**d) Cả a, b, c**

**Câu 62: Phép biện chứng duy vật là gì?**

- a) Là khoa học nghiên cứu về sự vận động, phát triển của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.
- b) Là khoa học nghiên cứu về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển của sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, tư duy

**c) Là khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy.**

- d) Là khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của xã hội loài người và của tư duy.

**Câu 63: Xác định câu đúng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lenin:**

- a) Phát triển của sự vật không có tính kế thừa.
- b) Phát triển của sự vật có tính kế thừa nhưng đó là sự kế thừa nguyên xi cái cũ hoặc lắp ghép từ cái cũ sang cái mới một cách máy móc về mặt hình thức.

**c) Phát triển của sự vật có tính kế thừa nhưng trên cơ sở có phê phán, chọn lọc, cải tạo và phát triển.**

- d) Cả a và b

**Câu 64: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?**

- a) Nguyên vọng, ý chí con người tự nó tác động đến sự phát triển
- b) Nguyên vọng, ý chí con người không ảnh hưởng gì đến sự phát triển

c) Nguyên vọng, ý chí con người có ảnh hưởng đến sự phát triển thông qua hoạt động thực tiễn

d) Nguyên vọng, ý chí con người ảnh hưởng đến sự phát triển một cách phiến diện, một chiều

**Câu 65: Quan điểm về sự phát triển đòi hỏi phải xem xét các sự vật như thế nào?**

a) Xem xét trong trạng thái đang tồn tại của sự vật

b) Xem xét sự chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái kia

c) Xem xét các giai đoạn khác nhau của sự vật

d) Bao gồm cả a, b và c

**Câu 66: Bổ sung để được một câu đúng theo phép biện chứng duy vật: “Sự sụp đổ của một loạt các nước XHCN ở Đông Âu là hiện tượng của...”?**

a) Tính khách quan của sự phát triển

b) Tính quanh co của sự phát triển

c) Tính đa dạng của sự phát triển

d) Tính độc lập tương đối của sự phát triển

**Câu 67: Theo phép biện chứng duy vật, phát triển là gì?**

a) Là sự vận động luôn luôn tiến bộ

b) Là sự biến đổi cả về số lượng lẫn chất lượng

c) Là vận động nói chung

d) Là sự tăng hay giảm về số lượng

**Câu 68: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối liên hệ là gì?**

a) Mối liên hệ chỉ xảy ra giữa các sự vật, hiện tượng; còn bản thân mỗi sự vật, hiện tượng không có sự liên hệ

b) Mối liên hệ giữa các sự vật do ý chí con người tạo ra

c) Mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng không chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng mà còn diễn ra ngay trong mỗi sự vật, hiện tượng

d) Mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng là mối liên hệ của vật chất không phải mối liên hệ tinh thần

**Câu 69: Khi xem xét con người, quan điểm toàn diện yêu cầu xem xét điều gì?**

a) Phải đặc biệt nhấn mạnh một mặt nào đó, bỏ qua những mặt còn lại

b) Phải xuất phát từ mục đích và lợi ích của họ mà đánh giá

c) Phải đặt họ vào điều kiện, thời đại của mình mà đánh giá

d) Phải đặt họ trong mối quan hệ với những người khác, với những người có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của mình mà đánh giá

**Câu 70: Khuyên hướng của sự phát triển diễn ra theo hình thức nào?**

a) Đường xoắn ốc

b) Đường thẳng tắp

c) Đường cong khép kín

d) Tuần hoàn lặp đi lặp lại

**Câu 71: Trong xã hội, sự phát triển biểu hiện ra như thế nào?**

a) Sự xuất hiện các hợp chất mới

b) Sự xuất hiện của các thành tựu khoa học kĩ thuật

c) Sự xuất hiện các giống loài động vật, thực vật mới thích ứng tốt hơn với môi trường

d) Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác dân chủ, văn minh hơn

**II) Sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.**

**Câu 1: Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa về phạm trù: "Phạm trù là những..... phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định"**

a) Khái niệm

b) Khái niệm rộng nhất

c) Khái niệm cơ bản nhất

d) Khái niệm quan trọng nhất

**Câu 2: Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù triết học: "Phạm trù triết học là những.....phản ánh những mặt, những mối liên hệ cơ bản và phổ biến nhất..... của hiện thực"**

a) Khái niệm, các sự vật

b) Khái niệm rộng nhất, một lĩnh vực

c) Khái niệm rộng nhất, toàn bộ thế giới

d) Khái niệm cơ bản nhất, một mặt

**Câu 3: Các phạm trù: thực vật, động vật, tế bào, đồng hoá, dị hoá là những phạm trù của khoa học nào?**

a) Toán học

b) Vật lý học

c) Sinh vật học

d) Triết học

**Câu 4:** Các phạm trù: vật chất, ý thức, vận động, mâu thuẫn, bản chất, hiện tượng là những phạm trù của khoa học nào?

- a) Kinh tế chính trị học
- b) Xã hội học
- c) **Triết học**
- d) Tất cả đều đúng

**Câu 5:** Quan điểm triết học nào cho các phạm trù **hoàn toàn tách rời nhau**, không vận động, phát triển?

- a) **Quan điểm siêu hình**
- b) Quan điểm duy vật chất phác
- c) Quan điểm duy vật biện chứng
- d) Quan điểm duy tâm khách quan

**Câu 6:** Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được một luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Quan hệ giữa phạm trù triết học và phạm trù của các khoa học cụ thể là quan hệ giữa.....và.....

- a) **Cái chung, cái riêng**
- b) Cái chung, cái chung
- c) Cái riêng, cái chung
- d) Cái riêng, cái riêng

**Câu 7:** Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù là **những thực thể ý niệm** tồn tại độc lập với ý thức con người và thế giới vật chất?

- a) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b) **Chủ nghĩa duy tâm khách quan**
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 8:** Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù được **hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người**?

- a) Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c) **Chủ nghĩa duy vật biện chứng**
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 9:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng phạm trù **có tính chất** chủ quan hay khách quan?

- a) Có tính chủ quan
- b) Có tính khách quan
- c) **Vừa chủ quan, vừa khách quan**
- d) Không có tính chủ quan và khách quan do phạm trù độc lập với ý thức con người

**Câu 10: Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính chất của các phạm trù: Nội dung của phạm trù có tính..... hình thức của phạm trù có tính.....**

- a) Chủ quan, chủ quan
- b) Chủ quan, khách quan**
- c) Khách quan, khách quan
- d) Khách quan, chủ quan

**Câu 11: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái riêng: "cái riêng là phạm trù triết học dùng để chỉ....."**

- a) Một sự vật, một quá trình riêng lẻ nhất định**
- b) Một đặc điểm chung của các sự vật
- c) Nét đặc thù của một số các sự vật
- d) Cái riêng của từng phạm trù vật chất

**Câu 12: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái chung: "cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ..... được lặp lại trong nhiều sự vật hay quá trình riêng lẻ"**

- a) Một sự vật, một quá trình
- b) Những mặt, những thuộc tính**
- c) Những mặt, những thuộc tính không
- d) Tổng thể một số sự vật, thuộc tính

**Câu 13: Thêm cụm từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái đơn nhất: "Cái đơn nhất là phạm trù triết học dùng để chỉ....."**

- a) Những mặt lặp lại ở các sự vật
- b) Một sự vật riêng lẻ
- c) Những nét, những mặt chỉ có ở 1 sự vật**
- d) Những thuộc tính chung nhất của thể giới vật chất

**Câu 14: Phái triết học nào cho rằng chỉ có cái chung tồn tại thực, còn cái riêng không tồn tại thực?**

- a) Phái duy thực**
- b) Phái nguy biện
- c) Phái duy danh
- d) Phái chiết trung

**Câu 15: Trường phái triết học nào thừa nhận chỉ có cái riêng tồn tại thực, cái chung chỉ là tên gọi trống rỗng?**

- a) Phái duy danh**
- b) Phái nguy biện
- c) Phái duy thực
- d) Phái chiết trung



**Câu 16: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?**

- a) Chỉ có cái chung tồn tại khách quan và vĩnh viễn
- b) Chỉ có cái riêng tồn tại khách quan và thực sự
- c) Cả cái chung và cái riêng đều tồn tại khách quan, vĩnh viễn nhưng tách rời nhau
- d) **Cả cái chung và cái riêng đều tồn tại khách quan, vĩnh viễn và không tách rời nhau.**

**Câu 17: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?**

- a) Cái chung tồn tại khách quan, bên ngoài cái riêng
- b) Cái riêng tồn tại khách quan và không bao giờ chứa cái chung
- c) **Không có cái chung thuần túy tồn tại bên ngoài cái riêng, cái chung tồn tại thông qua cái riêng**
- d) Tất cả đều sai

**Câu 18: Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?**

- a) **Cái riêng chỉ tồn tại trong mối quan hệ với cái chung**
- b) Cái riêng tồn tại độc lập bên ngoài cái chung
- c) Cái riêng không chứa bất kì cái chung nào
- d) Cái riêng và cái chung luôn tách rời nhau, chỉ liên hệ theo hoàn cảnh cụ thể

**Câu 19: Đây là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?**

- a) Mỗi con người là một cái riêng, không có gì chung với người khác
- b) **Mỗi con người vừa là cái riêng, đồng thời có nhiều cái chung với người khác**
- c) Mỗi con người chỉ là sự thể hiện cái chung, không có cái đơn nhất của nó
- d) Mỗi con người là một cái riêng, có điểm chung tùy thuộc vào đối tượng so sánh

**Câu 20: Luận điểm nào sau đây là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?**

- a) Mỗi khái niệm là một cái riêng
- b) Mỗi khái niệm là một cái chung
- c) **Mỗi khái niệm vừa là cái riêng, vừa là cái chung**
- d) Mỗi khái niệm là cái đơn nhất

**Câu 21: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chỉ có cái cây cụ thể tồn tại, không có cái cây nói chung tồn tại, nên khái niệm cái cây là giả dối"?**

- a) Phái duy thực
- b) **Phái duy danh**
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

*Câu 22: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Phạm trù vật chất không có sự tồn tại hữu hình như một vật cụ thể. Phạm trù vật chất bao quát đặc điểm chung tồn tại trong các vật cụ thể"?*

- a) Phái duy thực
- b) Phái duy danh
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

*Câu 23: Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Không có cái chung tồn tại thuần túy bên ngoài cái riêng. Không có cái riêng tồn tại không liên hệ với cái chung"?*

- a) Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- c) Chủ nghĩa duy tâm siêu hình
- d) Chủ nghĩa duy tâm biện chứng

*Câu 24: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm sau đây đúng hay sai: "Muốn nhận thức được cái chung phải xuất phát từ cái riêng"?*

- a) Đúng
- b) Sai

*Câu 25: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phái duy thực hay phái duy danh giải quyết đúng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung?*

- a) Phái duy danh đúng
- b) Phái duy thực đúng
- c) Cả hai đều đúng
- d) Cả hai đều sai

*Câu 26: "Cái chung có thể chuyển hóa thành cái đơn nhất" là khẳng định:*

- a) Đúng
- b) Sai

*Câu 27: Cho có khái niệm "con người" nói chung tồn tại bên ngoài con người cụ thể. Đó là quan điểm của lập trường triết học nào?*

- a) Phái duy thực
- b) Phái duy danh
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

*Câu 28: Cái ..... và cái ..... có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật. Trong dấu ba chấm lần lượt là?*

- a) Chung, riêng
- b) Riêng, đơn nhất
- c) Chung, đơn nhất

- d) Đơn nhất, riêng

**Câu 29:** *Cái ..... là cái toàn bộ, phong phú hơn cái ..... Trong dấu ba chấm lần lượt là?*

- a) Chung, riêng  
b) Riêng, chung  
c) Riêng, đơn nhất  
d) Chung, đơn nhất

**Câu 30:** *Cho rằng khái niệm "hoa hồng" tồn tại thực, tồn tại trước những bông hoa hồng cụ thể, quyết định sự tồn tại của những bông hoa hồng cụ thể. Đó là quan điểm của trường phái triết học nào?*

- a) Phái duy thực  
b) Phái duy danh  
c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng  
d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 31:** *Cái ..... là cái bộ phận, nhưng sâu sắc hơn cái .....*

- a) Chung, riêng  
b) Riêng, chung  
c) Chung, đơn nhất  
d) Riêng, đơn nhất

**Câu 32:** *Phạm trù nào sau đây là v tồn tại và là thuộc tính cố hữu của vật chất:*

- a) Quy luật  
b) Vận động  
c) Phát triển  
d) Liên hệ

**Câu 33:** *Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây sai?*

- a) Phạm trù là những thực thể ý niệm, tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức con người  
b) Phạm trù được hình thành trong quá trình vận động thực tiễn và nhận thức con người  
c) Mỗi phạm trù xuất hiện trước đó đồng thời lại là bậc thang của quá trình nhận thức tiếp theo  
d) Nội dung của phạm trù mang tính khách quan còn hình thức của phạm trù mang tính chủ quan

**Câu 34:** *Theo phép biện chứng duy vật, luận điểm nào sau đây đúng?*

- a) Chỉ có cái riêng mang tính khách quan, còn cái chung mang tính chủ quan do con người tạo ra.  
b) Cái chung là cái toàn bộ, cái riêng là cái bộ phận  
c) Chỉ có cái riêng mới có thể chuyển hóa thành cái chung, còn cái chung thì không thể chuyển hóa thành cái riêng.

d) *Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, cái chung là cái bộ phận nhưng sâu sắc, bản chất hơn cái riêng*

**Câu 35:** *Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nguyên nhân: “Nguyên nhân là phạm trù chỉ ....(1).. giữa các mặt trong một sự vật, hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra ....(2)....”*

- a) 1- sự liên hệ lẫn nhau, 2- một sự vật mới.
- b) 1- sự thống nhất, 2- một sự vật mới.
- c) *1- sự tác động lẫn nhau, 2- một biến đổi nhất định nào đó*
- d) 1- sự tác động qua lại, 2- một biến đổi nhất định cố định

**Câu 36:** *Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm kết quả: “Kết quả là ... (1).. do ... (2).. lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra”.*

- a) 1- mối liên hệ, 2- kết hợp
- b) 1- sự tác động, 2- những biến đổi
- c) *1- những biến đổi xuất hiện, 2- sự tác động*
- d) 1- sự biến đổi, 2- kết hợp

**Câu 37:** *Luận điểm sau thuộc trường phái triết học nào: “Mối liên hệ nhân quả do cảm giác con người quy định”?*

- a) *Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*
- b) Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c) Chủ nghĩa *duy vật biện chứng*
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 38:** *Luận điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: “Mối liên hệ nhân quả do ý niệm tuyệt đối quyết định”?*

- a) *Chủ nghĩa duy tâm khách quan*
- b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c) Chủ nghĩa *duy vật biện chứng*
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 39:** *Luận điểm sau đây là của trường phái triết học nào: “Mối liên hệ nhân quả tồn tại khách quan phổ biến và tất yếu trong thế giới vật chất”?*

- a) Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c) Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d) *Chủ nghĩa duy vật biện chứng*

**Câu 40:** *Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: “Mọi hiện tượng, quá trình đều có nguyên nhân tồn tại khách quan không phụ thuộc vào việc chúng ta có nhận thức được điều đó hay không.”?*

- a) Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 41: Trong những luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?**

- a) Ý thức con người không sáng tạo ra mối liên hệ nhân quả ở hiện thực
- b) Mối liên hệ nhân quả chỉ tồn tại khi chúng ta nhận thức được nó
- c) Không phải mọi hiện tượng đều có nguyên nhân
- d) Không phải mọi hiện tượng đều có kết quả

**Câu 42: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây đúng?**

- a) Mọi sự kế tiếp nhau về mặt thời gian là mối liên hệ nhân quả
- b) Mọi cái xuất hiện trước đều là nguyên nhân của cái xuất hiện sau
- c) Nguyên nhân luôn luôn xuất hiện trước kết quả
- d) Mối liên hệ nhân quả chỉ tồn tại theo ý chí chủ quan của con người

**Câu 43: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây sai?**

- a) Nguyên nhân sản sinh ra kết quả
- b) Nguyên nhân xuất hiện trước kết quả
- c) Mọi liên hệ nhân quả luôn xuất hiện khi có sự kế tiếp nhau về mặt thời gian
- d) Nguyên nhân giống nhau trong những điều kiện giống nhau luôn đưa đến những kết quả giống nhau.

**Câu 44: Tìm câu sai trong những luận điểm sau?**

- a) Một kết quả chỉ có thể gây nên do các nguyên nhân khác nhau
- b) Một nguyên nhân có thể gây ra nhiều kết quả khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể
- c) Một nguyên nhân nhất định trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định chỉ có thể gây ra kết quả nhất định.
- d) Nguyên nhân giống nhau trong những điều kiện giống nhau thì kết quả về cơ bản giống nhau.

**Câu 45: Trong những luận điểm sau đây, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?**

- a) Kết quả do nguyên nhân quyết định, nhưng kết quả tác động trở lại với nguyên nhân
- b) Kết quả không tác động trở lại đối với nguyên nhân
- c) Kết quả và nguyên nhân không thể chuyển hóa qua lại lẫn nhau
- d) Kết quả luôn tích cực với nguyên nhân, bất kể trường hợp nào của nguyên nhân

**Câu 46: Đâu không phải tính chất của cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả?**

- a) Tính khách quan
- b) Tính phổ biến

c) Tính chủ quan

d) Tính tất yếu

**Câu 47: Nguyên nhân và kết quả, cái nào có trước?**

a) Nguyên nhân

b) Kết quả

c) Cả hai xuất hiện cùng lúc

d) Tùy vào hiện tượng

**Câu 48: Có bao nhiêu cách phân loại nguyên nhân?**

a) 2

b) 3

c) 4

d) 5

**Câu 49: Một cặp đôi chung sống với nhau và được bác sĩ “bảo cưới”. Vậy đứa bé được sinh ra là gì đối với việc cặp đôi này kết hôn với nhau?**

a) Nguyên nhân

b) Kết quả

c) Hậu quả

d) Điều kiện

**Câu 50: Mối liên hệ nhân quả giữa các sự vật, hiện tượng là do....?**

a) Thượng đế quyết định

b) Do hoạt động của con người quy định

c) Phụ thuộc vào ý thức con người

d) Tất cả đều sai

**Câu 51: “Tất cả mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều được gây ra bởi những nguyên nhân nhất định”. Khẳng định trên thể hiện tính chất nào của quan hệ nhân quả?**

a) Tính khách quan

b) Tính phổ biến

c) Tính tất yếu

d) Cả ba tính chất trên

**Câu 52: “Mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không phụ thuộc vào ý thức con người.” Khẳng định trên thể hiện tính chất nào của quan hệ nhân quả?**

a) Tính khách quan

b) Tính phổ biến

c) Tính tất yếu

d) Cả ba tính chất trên

**Câu 53: Trong các cặp sau đây, cặp nào thể hiện mối liên hệ nhân quả?**

a) Xuân – hạ

b) Lười – dốt

c) Đồng – tây

d) Ngày – đêm

**Câu 54: Cho biết mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả?**

a) Quan hệ khởi nguyên

b) Quan hệ phức tạp

c) Quan hệ khởi nguyên và phức tạp

d) Quan hệ giữa tất yếu và khách quan

**Câu 55: Chuỗi nào dưới đây là một ví dụ của cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả?**

a) Xuân – hạ – thu – đông

b) Mưa – ngã xe – nghỉ học – trượt môn

c) Vi sinh vật – cỏ – hươu – sư tử

d) Đi học – ăn cơm – học bài – đi ngủ

**Câu 56: Câu thành ngữ “Trâu bò đánh nhau, ruồi muỗi chết” thể hiện điều gì?**

a) Một nguyên nhân chỉ có thể dẫn đến một kết quả

b) Một nguyên nhân có thể dẫn đến nhiều kết quả

c) Một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân gây ra

d) Nên hạn chế trâu bò đánh nhau

**Câu 57: Minh lợi dụng lí do trời mưa để nghỉ học, dù nhà Minh có xe ô tô đưa đón. Vậy nói trời mưa là nguyên nhân dẫn đến việc Minh nghỉ học có đúng không?**

a) Đúng

b) Sai

c) Vừa đúng, vừa sai

d) Tùy thuộc vào ý chí chủ quan của Minh

**Câu 58: Nam thiếu tiền nên phải hủy một môn học. Vậy nói Nam thiếu tiền là nguyên nhân dẫn đến việc Nam hủy môn có đúng không?**

a) Đúng

b) Sai

c) Không có câu trả lời đúng hoàn toàn

d) Tùy thuộc vào ý chí chủ quan của Nam

**Câu 59: Câu nào sau đây KHÔNG thể hiện quan điểm của phép biện chứng duy vật?**

a) Nguyên nhân và kết quả có thể chuyển hóa lẫn nhau

b) Mỗi nguyên nhân có thể sinh ra một hoặc nhiều kết quả

c) Nguyên nhân luôn có trước kết quả

d) Có tồn tại nguyên nhân đầu tiên

**Câu 60: Trong các câu ca dao tục ngữ sau đây, câu nào không thể hiện cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả?**

- a) Nước chảy đá mòn
- b) Miệng ăn núi lở
- c) **Uống nước nhớ nguồn**
- d) Gió gio gặt bão

**Câu 61: Đền trong phòng sáng là do bật công tắc, đúng hay sai?**

- a) Đúng
- b) **Sai**

**Câu 62: Có những sự vật hiện tượng xảy ra có nguyên nhân và luôn được nhận thức ra, đúng hay sai?**

- a) Đúng
- b) **Sai**

**Câu 64: Những sự vật, hiện tượng nếu có cùng một nguyên nhân, trong những điều kiện giống nhau thì sẽ tạo nên những kết quả như nhau. Điều này thể hiện tính chất nào của mối liên hệ nhân quả?**

- a) Tính khách quan
- b) Tính phổ biến
- c) Tính biện chứng
- d) **Tính tất yếu**

**Câu 65: Vật trong chân không luôn chuyển động với gia tốc  $9,8 \text{ m/s}^2$ ; nước ở áp suất 1 atm luôn sôi ở  $100^\circ\text{C}$ . Điều này chứng tỏ điều gì?**

- a) Giữa nguyên nhân và kết quả luôn có mối quan hệ sản sinh
- b) Nguyên nhân luôn có trước kết quả
- c) **Một nguyên nhân nhất định, trong những hoàn cảnh giống nhau, sẽ tạo nên những kết quả giống nhau**
- d) Không chứng tỏ điều gì

**Câu 66: Có bao nhiêu câu đúng theo quan điểm triết học Mác - Lênin trong những câu sau:**

- Một nguyên nhân có thể sản sinh ra nhiều kết quả nhưng không có chiều ngược lại
- Mọi nguyên nhân ngược chiều đều gây ra tác hại cho con người nên cần được tìm cách khắc phục
- Một nguyên nhân chỉ có thể gây ra một kết quả nhất định
- Nguyên nhân có trước kết quả chỉ có tính chất tương đối
- Tất cả những sự vật, hiện tượng tồn tại trên Thế giới đều có nguyên nhân

- a) **2**
- b) 3
- c) 4
- d) 5







































































